

NGUỒN VỐN CHO ĐẦU TƯ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TẠI DOANH NGHIỆP Ở HÀ NỘI: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Nguyễn Thị Nguyệt*, Bé Thu Trang**

Tóm tắt

Nguồn vốn có vai trò quan trọng trong việc quyết định đầu tư của doanh nghiệp, trong đó đầu tư cho khoa học và công nghệ đòi hỏi có lượng vốn lớn và thời gian đầu tư lâu dài. Vốn đầu tư có thể có từ ngân sách nhà nước, vốn tự có của doanh nghiệp, vốn vay liên kết hợp tác và vốn vay từ ngân hàng thương mại. Các nguồn vốn này được sử dụng cho hoạt động nghiên cứu phát triển, chỉ cho chuyển giao, mua sắm công nghệ, đào tạo cán bộ hoạt động khoa học và công nghệ. Đối với các doanh nghiệp Hà Nội, ngoài các nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp có cơ hội về vay vốn ưu đãi, vay từ các ngân hàng thương mại và liên doanh, liên kết với các tổ chức khác để tiến hành đầu tư cho khoa học công nghệ. Tuy nhiên, trong thời gian tới, doanh nghiệp Hà Nội cần tăng cường vốn tự có và tận dụng lợi thế thủ đô để tranh thủ tối đa các nguồn lực xã hội và các nguồn vốn khác để đẩy mạnh đầu tư khoa học công nghệ.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cạnh tranh ngày càng gay gắt hiện nay, đổi mới công nghệ để tồn tại và phát triển là giải pháp và đòi hỏi tất yếu mang tính chiến lược giúp doanh nghiệp phát triển nhanh và bền vững. Đảng và Nhà nước ta hết sức coi trọng vai trò của khoa học công nghệ (KH-CN) trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, và xác định khoa học công nghệ là yếu tố quan trọng trong tiến trình hội nhập và là động lực của quá trình phát triển. Điều này được cụ thể hoá bằng việc tạo lập khung pháp lý, hình thành cơ chế chính sách để thúc đẩy quá trình đổi mới công nghệ cho nền kinh tế cũng như doanh nghiệp.

Việc đầu tư vào KH-CN đã giúp cho nhiều doanh nghiệp nâng cao chất lượng sản phẩm,

tăng tính cạnh tranh trên thị trường. Tuy nhiên, tỷ lệ những doanh nghiệp tham gia chương trình hỗ trợ của Chính phủ còn rất khiêm tốn (dưới 10%), do nguồn lực của bản thân doanh nghiệp bị hạn chế hoặc do chính sách chương trình của Nhà nước còn dàn trải, nhiều rào cản hành chính, nặng cơ chế xin cho (Nguyễn Thị Minh Nghĩa, 2015). Đặc biệt, hơn 90% doanh nghiệp hiện nay là quy mô nhỏ và vừa nên rất thiếu và yếu về nguồn lực cụ thể là nguồn vốn trong việc thực hiện đầu tư công nghệ, chỉ tập trung vào mua và nhận chuyển giao công nghệ hơn là triển khai nghiên cứu và phát triển công nghệ. Chính vì vậy, cần phải tiếp tục nghiên cứu thực trạng việc sử dụng các nguồn vốn trong doanh nghiệp để đề xuất những giải pháp nhằm thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới đầu tư vào khoa học và công nghệ trong tương lai. Bài nghiên cứu cấp thành phố “Đổi mới đầu tư khoa học và công nghệ để doanh nghiệp Hà Nội phát triển bền vững”, mã số 01X-10/10-2014-2, được tài trợ bởi Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội.

2. Thực trạng sử dụng các nguồn vốn cho đầu tư KH-CN của doanh nghiệp Hà Nội

2.1. Nguồn vốn hỗ trợ đầu tư từ ngân sách Nhà nước

Hàng năm, Nhà nước phân bổ khoảng 2% tổng chi ngân sách (tương đương khoảng 0,5% GDP) cho KH&CN, nhằm đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và áp dụng thành tựu KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Cũng giống như các doanh nghiệp trên cả nước, doanh nghiệp Hà Nội có thể tiếp cận nguồn hỗ trợ từ NSNN, thông qua các Quỹ, các chính sách ưu đãi của Nhà nước để thực hiện nghiên cứu khoa học tại doanh nghiệp. Tuy nhiên, thực tế những năm gần đây tỷ lệ chi cho KH&CN thấp hơn nhiều, thậm chí chỉ khoảng 0,2-0,3%GDP, trong khi

* Nguyễn Thị Nguyệt, Tiến sỹ, Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương.

** Bé Thu Trang, Thạc sỹ, Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương

đó nguồn vốn NSNN được phân bổ chủ yếu cho doanh nghiệp nhà nước (DNNN) nhưng cũng chỉ chiếm tỷ trọng rất thấp so với nhu cầu của doanh nghiệp.

Trong vài năm gần đây, Hà Nội duy trì 2% ngân sách cho KHCN, hướng tới năm 2020 sẽ dành 2,5% ngân sách thành phố cho hoạt động KHCN, tạo thêm điều kiện thuận lợi phát huy tiềm lực KHCN. Cụ thể, Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô giai đoạn 2015 - 2020, triển khai chương trình nghiên cứu, phát triển các sản phẩm công nghệ mũi nhọn phù hợp với kinh tế xã hội của Thủ đô; chương trình hỗ trợ doanh nghiệp sử dụng năng lượng tiết kiệm và xử lý ô nhiễm môi trường, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng nhãn hiệu hàng hóa, phát triển tài sản sở hữu trí tuệ. Giai đoạn 2008-2013, Hà Nội chi khoảng 3.000 tỷ đồng ngân sách cho hoạt động KHCN, trong đó 2.000 tỷ chi đầu tư phát triển (Khánh Châu, 2014).

Hiện có 4 “kênh huy động chính thống” các doanh nghiệp Hà Nội có thể khai thác được. Đó là: Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia; các Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Hà Nội, Quỹ Phát triển Doanh nghiệp nhỏ và vừa; và các Quỹ Bảo lãnh Tín dụng cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đây là các Quỹ tài trợ và hỗ trợ cho các doanh nghiệp có nhu cầu đổi mới công nghệ và đầu tư KHCN. Quỹ phát triển KH&CN quốc gia và Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia đã mở thêm kênh tài chính cung cấp các khoản tài trợ, hỗ trợ vốn vay, bảo lãnh tín dụng nhằm giúp doanh nghiệp, đặc biệt là DNNVV tiến hành các hoạt động nghiên cứu, đổi mới, phát triển công nghệ phục vụ sản xuất kinh doanh.

Đối với những đề tài, dự án nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm, Quỹ phát triển KHCN thành phố cho vay mức 30% tổng mức đầu tư với lãi suất 0% trong thời gian thực hiện đề tài, dự án. Sau khi có kết quả ứng dụng mang lại hiệu quả, tác giả đề tài, dự án có thể được ngân sách thành phố hỗ trợ 30% tổng kinh phí thực hiện trong giai đoạn ứng dụng (Khánh Châu, 2014). Những doanh nghiệp đầu tư xây dựng hạ tầng và dịch vụ KHCN có áp dụng công nghệ thân thiện với môi trường, công nghệ tiết

kiệm năng lượng, tiết kiệm đất sẽ được hưởng ưu đãi ở mức cao nhất theo quy định của Chính phủ, và được vay vốn từ Quỹ đầu tư phát triển thành phố, Quỹ phát triển KHCN thành phố với lãi suất ưu đãi, có thể được Quỹ phát triển KHCN cho vay tới 80% tổng mức đầu tư của dự án với lãi suất cho vay chỉ bằng 10% mức lãi suất cho vay trung và dài hạn bình quân của ngân hàng thương mại cổ phần nhà nước. Đồng thời, ngân sách thành phố hỗ trợ trực tiếp 30% giá trị hợp đồng mua bí quyết công nghệ, giải pháp kỹ thuật quy trình công nghệ, thiết kế kỹ thuật thuộc các lĩnh vực và loại hình công nghệ cao được ưu tiên nghiên cứu và phát triển.

Ngoài ra, các Bộ ngành khác cũng có các Quỹ hỗ trợ như Bộ Công thương có Quỹ Xúc tiến thương mại, Bộ Khoa học và Công nghệ có Quỹ về ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Các chương trình, chính sách của Nhà nước và Bộ KH&CN có trọng tâm hướng vào phát triển năng lực KH&CN trong doanh nghiệp, như Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp giai đoạn 2011-2015, Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020, Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020, Chương trình quốc gia nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến 2020, Chương trình sản phẩm quốc gia đến năm 2020, Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2011-2015.

Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020 hỗ trợ DNNVV trong các lĩnh vực: ứng dụng công nghệ thông tin; xây dựng hệ thống thông tin quản lý nguồn lực doanh nghiệp và quảng cáo sản phẩm; xây dựng cơ sở dữ liệu về công nghệ mới, công nghệ tiên tiến và lực lượng chuyên gia công nghệ; hỗ trợ việc hình thành các cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học - công nghệ nghiên cứu, ứng dụng và sản xuất sản phẩm mới. Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020 áp dụng một số cơ chế, chính sách ưu đãi như các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng, đào tạo, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; sản xuất thử nghiệm, sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ, xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao

thuộc Chương trình được vay tối đa 85% vốn tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam và được Chương trình hỗ trợ toàn bộ lãi suất vay trong thời hạn 5 năm; được hỗ trợ chi phí nghiên cứu, đào tạo, tư vấn, chuyển giao công nghệ, thử nghiệm, xây dựng phòng thí nghiệm, xây dựng trung tâm thiết kế, sản xuất thử nghiệm, mua sản phẩm mẫu, thiết bị và dây chuyền mẫu, thiết bị đo kiểm.

Năm 2013, Hà Nội phê duyệt Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến, đẩy mạnh đầu tư vào các sản phẩm, mặt hàng có thế mạnh của Hà Nội. Chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở công nghiệp sản xuất ra các sản phẩm, mặt hàng có thế mạnh về khoa học công nghệ, cụ thể là các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; hỗ trợ tư vấn chuyển giao công nghệ, thông tin, xúc tiến thương mại; hỗ trợ đào tạo, huấn luyện kiến thức quản lý công nghệ cho đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật; hỗ trợ kinh phí, lãi suất vay để doanh nghiệp đổi mới, nâng cao năng lực công nghệ....

Thành phố đã ban hành Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 10/4/2013 hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với các khoản vay trung và dài hạn (từ một năm trở lên) cho các doanh nghiệp Hà Nội, sử dụng nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng để thực hiện dự án đầu tư mới, đầu tư chiều sâu, mở rộng dự án, đổi mới kỹ thuật, công nghệ, thiết bị trên địa bàn.

Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 13/8/2013 của Hà Nội về Trợ giúp phát triển DNNVV trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn thành phố giai đoạn 2013-2020, trong đó có nội dung xây dựng vườn ươm doanh nghiệp ngành cơ khí chế tạo, ươm tạo các doanh nghiệp khởi nghiệp và doanh nghiệp trẻ trong ngành cơ khí chế tạo, tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật và xây dựng các chương trình đào tạo cho các doanh nghiệp ươm tạo, xây dựng các trung tâm hỗ trợ kỹ thuật lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

Có thể nhận thấy, các chương trình ưu đãi từ nguồn ngân sách của Nhà nước và thành phố

khá phong phú. Tuy nhiên, việc doanh nghiệp tiếp cận và sử dụng được nguồn ngân sách này từ các doanh nghiệp khảo sát còn thấp và gặp nhiều khó khăn. Điều này chứng tỏ cơ chế tiếp cận nguồn vốn ngân sách Nhà nước của các doanh nghiệp chưa hiệu quả và hợp lý, dẫn đến việc hiệu quả sử dụng vốn của Nhà nước chưa cao.

2.2. Nguồn vốn của doanh nghiệp

Vốn của doanh nghiệp chính là nguồn kinh phí chủ yếu khi doanh nghiệp có nhu cầu đầu tư cho khoa học và công nghệ thông qua Quỹ phát triển KHCN của doanh nghiệp. Theo quy định của Nhà nước, cụ thể là Nghị định số 95/2014/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 1/12/2014 các doanh nghiệp nhà nước phải trích từ 3% đến 10% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để lập quỹ phát triển KHCN của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp ngoài nhà nước còn lại được quyền trích tối đa 10% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để lập quỹ phát triển KHCN. Tuy nhiên đây chỉ là một quy định bắt buộc với các doanh nghiệp nhà nước, và là cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp khác sử dụng vốn tự có của doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu khoa học.

Thực tế cho thấy phần lớn các doanh nghiệp Việt Nam dựa vào vốn chủ sở hữu để cải tiến công nghệ, trong khi 98% doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động hiện nay phần lớn gặp khó khăn về vốn, phần lớn đều là DNNVV, điều đó cho thấy khả năng đầu tư của doanh nghiệp cho khoa học và công nghệ bị hạn chế về quy mô vốn. Nếu phải huy động ngoài thì phải chấp nhận với lãi suất cao nên khó có điều kiện để đầu tư công nghệ.

Có thể nhận thấy nguồn vốn có vai trò quan trọng đối với việc đầu tư khoa học công nghệ của doanh nghiệp. Theo các chuyên gia đánh giá thì vốn tự có có vai trò quan trọng nhất cho cả doanh nghiệp công nghiệp và dịch vụ, sau đó là vốn liên doanh, liên kết, và xếp cuối cùng là vốn từ nguồn hợp tác công tư (Bảng 2).

Bảng 2: Mức độ phù hợp/quan trọng của các nguồn vốn đối với đầu tư khoa học công nghệ của doanh nghiệp Hà Nội

Nguồn vốn	Mức độ quan trọng (từ 1 đến 5)		
	Chung	Doanh nghiệp công nghiệp	Doanh nghiệp dịch vụ
Vốn tự có	2.63	2.54	2.71
Hợp tác công tư	2.19	2.13	2.25
Liên doanh, liên kết	2.54	2.63	2.46

Nguồn: Kết quả khảo sát của Đề tài

Như vậy, theo kết quả khảo sát của đề tài, quan điểm đánh giá của chuyên gia và các doanh nghiệp đều thống nhất rằng vốn tự có của doanh nghiệp được sử dụng là chính và có vai trò quan trọng nhất trong tổng số các nguồn vốn có thể huy động được để đầu tư cho đổi mới khoa học công nghệ. Thứ hai là các nguồn vốn hợp tác và liên kết tuy trong 3 năm gần đây tỷ lệ sử dụng từ phía các doanh nghiệp chưa cao song cũng có tầm quan trọng sau vốn tự có của doanh

nh nghiệp (điểm trung bình 2.54 và 2.19).

Theo kết quả khảo sát của đề tài trong năm 2014 thì vốn đầu tư của doanh nghiệp chủ yếu là vốn tự có của doanh nghiệp (khoảng 90%), ngoài ra còn một phần rất nhỏ là từ nguồn vốn liên kết, hợp tác và vốn vay từ ngân hàng thương mại. Trong năm 2013 và 2014, xu hướng sử dụng vốn vay từ Ngân hàng thương mại có xu hướng tăng lên, còn vốn vay liên kết, hợp tác có xu hướng giảm xuống (Bảng 3).

Bảng 3: Cơ cấu đầu tư KHCN trong 3 năm gần đây theo nguồn vốn của doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội (%)

Nguồn vốn	2012	2013	2014
Vốn của doanh nghiệp	87.48	92.16	92.62
Vốn liên kết, hợp tác	12.14	6.8	1.09
Vốn vay từ Ngân hàng thương mại	0.39	1.04	6.28

Nguồn: Kết quả khảo sát của Đề tài

Bên cạnh những doanh nghiệp chủ động huy động nguồn vốn đầu tư cho KH-CN để tăng lợi nhuận, vẫn còn không ít doanh nghiệp chưa chủ động huy động nguồn vốn từ các kênh khác nhau để đầu tư cho KH-CN, mà còn trông chờ vào ngân sách nhà nước và đòi hỏi Ngân sách NN hỗ trợ mà không có động lực để cải tiến công nghệ vì nhu cầu tự thân.

2.3. Vốn hợp tác và vốn vay

Để huy động nguồn vốn cho phát triển khoa học - công nghệ, các doanh nghiệp cũng tăng cường nguồn đầu tư từ hoạt động hợp tác quốc tế thông qua các dự án khoa học - công nghệ với nước ngoài và các tổ chức và doanh nghiệp khác. Một số dự án đổi mới sáng tạo Việt Nam - Phần Lan (IPP2), thúc đẩy đổi mới sáng tạo

thông qua nghiên cứu khoa học - công nghệ do WB tài trợ (FIRST), hỗ trợ ươm tạo doanh nghiệp khoa học - công nghệ do Vương quốc Bỉ tài trợ (BIPP)... với tổng vốn hàng trăm triệu USD (Kim Ngân, 2015) đã hỗ trợ không nhỏ cho doanh nghiệp đầu tư khoa học công nghệ trong thời gian gần đây.

Về vốn vay, do nguồn vốn hạn hẹp nên doanh nghiệp tìm đến các ngân hàng thương mại để vay vốn cho đầu tư đổi mới công nghệ, tuy nhiên các ngân hàng thường đòi hỏi tín chấp và tài sản đảm bảo nên doanh nghiệp chưa tiếp cận được nguồn vốn này nhiều. Thực tế vay vốn ngân hàng thương mại chiếm tỷ lệ rất thấp, năm 2014 mới tăng lên 6,28%. Hầu hết các doanh nghiệp đang gặp khó khăn về vốn đầu tư cho đổi mới

công nghệ, phải vay vốn với lãi suất cao nên khó có điều kiện để thực hiện hoạt động nghiên cứu, phát triển hoặc nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến từ nước ngoài.

Thời gian gần đây, các ngân hàng gần đây đã chủ động thiết kế những gói tín dụng lãi suất thấp hơn so với lãi suất thông thường để đón đầu những doanh nghiệp đầu tư cải tiến máy móc công nghệ mới. Đây có thể là nguyên nhân lý giải vì sao trong năm 2014, tỷ lệ vay vốn ngân hàng thương mại của các doanh nghiệp Hà Nội có sự gia tăng đáng kể so với hai năm trước kia, từ 0,39% năm 2012 lên 1,04% năm 2013 và 6,28% vào năm 2014.

Tuy nhiên, tình trạng chung vẫn là vay ngân hàng không phải dễ dàng và thuận lợi, doanh nghiệp phải đáp ứng các điều kiện chặt chẽ, ít rủi ro thì ngân hàng mới cho vay. Vì vậy nếu doanh nghiệp không có thực lực mà chỉ đi vay hoặc dựa vào quỹ thì không dễ để có thể đổi mới công nghệ". Doanh nghiệp không có khả năng đầu tư cho cải tiến công nghệ bởi những hạn chế về tín dụng hoặc không đủ vốn tự có.

3. Giải pháp thu hút vốn để doanh nghiệp đầu tư cho khoa học và công nghệ

Trước thực tế nguồn vốn cho doanh nghiệp thủ đô thực hiện đổi mới công nghệ còn rất hạn chế về số lượng và chưa đa dạng về nguồn vốn, Nhà nước cần cải thiện chính sách ưu đãi về vốn đầu tư cho doanh nghiệp để khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư nhiều hơn vào đổi mới công nghệ. Đồng thời doanh nghiệp cũng cần chủ động, nhanh chóng tiếp cận với các quỹ của Nhà nước và tư nhân và xây dựng các dự án đổi mới công nghệ mang tính khả thi để tận dụng được sự hỗ trợ của Nhà nước, và có phương án chuẩn bị nguồn vốn đối ứng cần thiết.

3.1. Tăng cường sự liên kết giữa doanh nghiệp với trường đại học, viện nghiên cứu trong hoạt động ứng dụng công nghệ mới

Trong bối cảnh vốn tự có của các doanh nghiệp còn thiếu, đồng thời thiếu về nguồn nhân lực, doanh nghiệp chưa đủ sức để tự đầu tư cho nghiên cứu khoa học, doanh nghiệp có thể tìm đến các tổ chức khoa học và công nghệ, đặc biệt các trường đại học và các viện nghiên cứu để đặt hàng nghiên cứu khoa học. Đây là cách tốt nhất trong trường hợp doanh nghiệp không muốn bỏ

vốn đầu tư thường xuyên cho nghiên cứu khoa học hay không có phòng ban R&D riêng. Trong trường hợp này, Nhà nước cần đóng vai trò "bà đỡ" cho mối liên kết này. Hình thức hỗ trợ có thể bằng việc hỗ trợ kinh phí, khoản vay ưu đãi R&D từ Quỹ Phát triển KH&CN quốc gia và các Quỹ Phát triển KH&CN thành phố, hay các dịch vụ KHCN như dịch vụ thẩm định, đánh giá, quản lý tiêu chuẩn,... cho các dự án liên kết đổi mới khoa học công nghệ giữa các doanh nghiệp và các tổ chức KHCN này. Nhà nước khuyến khích doanh nghiệp áp dụng công nghệ mới bằng cơ chế tài trợ phần nhiều, tức là, nếu doanh nghiệp bỏ ra 30% vốn đầu tư cho R&D thì Nhà nước góp cho 70%, và sau đó có cơ chế doanh nghiệp đóng góp lại cho nhà nước phần lợi nhuận thu được từ ứng dụng sản phẩm KHCN (ngoài nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp thông thường). Việc đóng góp này còn làm cơ sở để tạo nguồn Quỹ tiếp tục tài trợ cho các hoạt động đầu tư KHCN của doanh nghiệp về lâu dài. Nhà nước cũng cần có cơ chế hỗ trợ liên kết hợp tác giữa các tổ chức KH-CN với doanh nghiệp thực hiện các dự án đổi mới công nghệ trên cơ sở dựa trên hiệu quả, kết quả đầu tư, như khoán kết quả đầu ra của sản phẩm và áp dụng chế tài đối với các tổ chức KH-CN, thay vì chỉ đầu tư cho giai đoạn đầu đối với phần nghiên cứu và phát triển sản phẩm của mỗi doanh nghiệp.

Hiện nay, Hà Nội có nhiều lợi thế để phát triển KHCN với lực lượng cán bộ khoa học hùng hậu, chiếm tới 70% đội ngũ cán bộ khoa học của cả nước (Khánh Châu, 2014). Hà Nội cũng là nơi tập trung đông đảo các viện nghiên cứu, các trường đại học với nguồn nhân lực chất lượng cao. Doanh nghiệp trên địa bàn thành phố nên tận dụng lợi thế này để kết hợp chặt chẽ với các trung tâm nghiên cứu quốc gia, các viện nghiên cứu thuộc các trường đại học để có sự hỗ trợ, tương tác về khoa học, từ đó sẽ có được phát minh, sáng chế vừa phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế đất nước, vừa đảm bảo hiệu quả hơn cho hoạt động R&D.

3.2. Thu hút và liên kết với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các tổ chức quốc tế

Các doanh nghiệp nên liên kết với các doanh nghiệp FDI và các tổ chức quốc tế nhằm thúc đẩy đầu tư KHCN và đổi mới sáng tạo. Theo

thống kê, Hà Nội có lợi thế về thu hút các doanh nghiệp FDI lớn so với cả nước. Các doanh nghiệp FDI có lợi thế về nguồn vốn đồng thời có ưu thế về công nghệ tiên tiến, nên các doanh nghiệp Hà Nội có thể tận dụng để liên kết nghiên cứu khoa học và tìm kiếm nguồn vốn từ các doanh nghiệp này. Cần khuyến khích sự liên kết các doanh nghiệp lớn Hà Nội với các công ty xuyên quốc gia, đa quốc gia tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu để qua đó phát triển hoạt động R&D. Trên thực tế việc tận dụng sự lan tỏa công nghệ của các doanh nghiệp FDI có thể nói là thất bại ở Việt Nam. Do đó để có kết quả khác cần phải có cơ chế khác trong thu hút FDI, tập trung vào ưu đãi thu hút FDI đáp ứng được yêu cầu lan tỏa công nghệ trong các ngành mũi nhọn. Sự lan tỏa công nghệ mang tính toàn diện, ngoài ứng dụng kỹ thuật, công nghệ, máy móc hiện đại, bí quyết, thiết kế, còn là trình độ khoa học công nghệ của lao động, kỹ năng quản trị khoa học công nghệ, quản trị doanh nghiệp tương thích.

3.3. Huy động nguồn lực cho đầu tư KHCN trong doanh nghiệp

Việc đầu tư phát triển khoa học công nghệ không chỉ riêng từ chính quyền thành phố mà phải huy động sự chung tay của nhà khoa học, các tổ chức khoa học công nghệ, các tổ chức tín dụng, và doanh nghiệp, và các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ, huy động nguồn lực đầu tư Nhà nước và xã hội, tăng đầu tư từ ngân sách, ưu tiên đầu tư cho khoa học công nghệ, xây dựng cơ chế huy động nguồn lực xã hội và doanh nghiệp, nâng cao vai trò tiên phong tham gia của các doanh nghiệp Nhà nước.

Để giải quyết vấn đề tài chính cho KHCN đòi hỏi phải đa dạng hóa nguồn tài chính, thu hút đầu tư từ các tổ chức quốc tế và toàn xã hội. Trong bối cảnh nguồn lực chuyên gia còn hạn chế, doanh nghiệp cần dựa tối đa vào nguồn lực của xã hội như nguồn tín dụng từ các ngân hàng thương mại và nguồn vốn bản thân doanh nghiệp để giúp giảm rủi ro khi đầu tư vào KHCN. Để tận dụng được nguồn lực này cho các khoản vay đầu tư đổi mới công nghệ của doanh nghiệp, Nhà nước cần có những quy định pháp lý mang tính ràng buộc về trách nhiệm và nghĩa vụ đối với các ngân hàng này trong việc

tạo điều kiện cho doanh nghiệp vay, mặt khác cần có những ràng buộc nghĩa vụ hoàn trả nợ từ lợi ích thu được từ sản phẩm KHCN của doanh nghiệp nhằm đảm bảo tính lành mạnh của khoản vay, và giảm thiểu rủi ro đối với khoản vay đối với ngân hàng.

Ngoài ra, doanh nghiệp có thể khai thác Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các tổ chức, cá nhân được hình thành từ vốn đóng góp của các tổ chức, cá nhân sáng lập không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước; vốn góp tự nguyện, hiến, tặng; các nguồn hợp pháp khác từ tổ chức, cá nhân đầu tư cho khoa học và công nghệ tại Việt Nam dưới các hình thức như đầu tư trực tiếp, liên doanh, liên kết.

Bên cạnh đó, Nhà nước cũng nên chia sẻ rủi ro trong việc đầu tư KHCN với doanh nghiệp thông qua gỡ bỏ rào cản, điều kiện bất hợp lý trong việc tiếp cận các Quỹ, các chương trình hỗ trợ đầu tư KHCN. Các nguồn vốn này có thể là Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các tổ chức, cá nhân được hình thành từ vốn đóng góp của các tổ chức, cá nhân sáng lập không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước; vốn góp tự nguyện, hiến, tặng; các nguồn hợp pháp khác. Đây là một kênh huy động vốn quan trọng trong bối cảnh các doanh nghiệp phần lớn quá nhỏ bé, non trẻ và được tạo dựng từ các nguồn lực rất yếu nên chưa có sự tích tụ để tạo ra sự đột phá trong hoạt động R&D. Tuy nhiên không thể thiếu sự chủ động của các doanh nghiệp về đầu tư đúng mức cho hoạt động đổi mới công nghệ, trong đó, phải xây dựng được đội ngũ cán bộ cũng như đầu tư thích đáng cho hoạt động này.

3.4. Tăng cường hợp tác vay vốn với Nhà nước

Trong trường hợp vốn của doanh nghiệp còn ít, doanh nghiệp có thể hợp tác với Nhà nước trong một khoản vay đầu tư đổi mới công nghệ, trong đó Nhà nước có trách nhiệm hỗ trợ, bảo lãnh doanh nghiệp một phần của khoản vay theo cơ chế linh hoạt, dựa vào mức độ hiệu quả của đầu tư, trong khi doanh nghiệp đảm nhiệm thương mại hóa, nhằm đảm bảo thu hồi vốn để trả nợ cho phần còn lại. Hình thức hỗ trợ này phù hợp với các dự án có tính khả thi cao về mặt kỹ thuật và có giá trị và lợi ích cho cộng đồng. Khi giá trị cộng đồng càng cao thì phần hỗ trợ của Nhà nước càng lớn.

Nhà nước cũng có thể tiến hành phương thức theo mô hình bảo lãnh cho khoản vay một cách đa dạng và linh hoạt, và yêu cầu bản thân doanh nghiệp và ngân hàng cho vay đóng phí bảo lãnh. Nếu doanh nghiệp trả được nợ mà không cần bảo lãnh của Nhà nước thì sẽ được Nhà nước hoàn lại khoản phí đã đóng. Phương thức này tiết kiệm được nguồn lực cho doanh nghiệp và Nhà nước, doanh nghiệp có động lực để triển khai dự án thành công.

3.5. Tăng cường huy động vốn từ các Quỹ đầu tư mạo hiểm trong và ngoài nước

Nhu cầu vốn để phát triển khoa học công nghệ ngày càng cấp thiết, đặc biệt trong bối cảnh nguồn vốn cho hoạt động đổi mới công nghệ ở các doanh nghiệp hiện còn hạn chế. Bên cạnh nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, các tổ chức tài chính như ngân hàng... thì vốn đầu tư mạo hiểm là một kênh huy động vốn hiệu quả cho doanh nghiệp, đồng thời là chìa khóa đối với vấn đề đầu tư đổi mới công nghệ cho các doanh nghiệp.

Đặc trưng của loại hình đầu tư này là có tỷ lệ rủi ro cao, nhưng nếu thành công sẽ tạo ra giá trị kinh tế cao cho doanh nghiệp được đầu tư, người đầu tư và cả xã hội. Hiện tại, ở Việt Nam đã tồn tại các Quỹ đầu tư mạo hiểm nhưng doanh nghiệp có ít cơ hội để tiếp xúc các quỹ đầu tư và các Quỹ đầu tư cũng không biết được nhu cầu vốn của doanh nghiệp. Kết quả là tỷ lệ khai thác nguồn vốn này từ phía doanh nghiệp còn thấp. Chính vì vậy, thời gian tới, doanh nghiệp Hà Nội nên tận dụng các hội thảo, hội chợ để gặp gỡ trực tiếp với các nhà đầu tư và chú trọng tìm hiểu thông tin từ các Quỹ để đa dạng hoá nguồn vốn đầu tư, phục vụ nhu cầu đổi mới và đầu tư khoa học của doanh nghiệp. Đồng thời, các Quỹ đầu tư mạo hiểm cũng có phương án kết nối các doanh nghiệp có nhu cầu vay vốn, hình thành một mạng lưới cung-cầu ổn định cho các doanh nghiệp có nhu cầu đầu tư nhưng hạn chế về vốn.

4. Kết luận

Như vậy, vốn đầu tư trong doanh nghiệp có vai trò quan trọng trong việc quyết định đầu tư khoa học và công nghệ cũng như nâng cao năng lực của doanh nghiệp. Trong đó, việc đầu tư cho

khoa học và công nghệ của doanh nghiệp đòi hỏi nguồn vốn lớn và có thể đầu tư trong thời gian dài. Tuy nhiên, các doanh nghiệp Hà Nội còn hạn chế về vốn để đầu tư cho KHCN, chỉ tập trung vào đổi mới công nghệ hơn là triển khai nghiên cứu. Chính vì vậy, tăng cường hỗ trợ điều kiện đầu tư khoa học công nghệ như vốn, năng lực khoa học công nghệ, thông tin, dịch vụ KHCN... cho các doanh nghiệp Hà Nội đầu tư cho KHCN chính là hành động cấp thiết. Đồng thời trong thời gian tới, các doanh nghiệp Hà Nội nên tận dụng tốt hơn nguồn ngân sách nhà nước và các chương trình hỗ trợ vay ưu đãi, liên doanh liên kết với các doanh nghiệp nước ngoài và các tổ chức quốc tế, và các quỹ đầu tư mạo hiểm để tăng cường vốn đầu tư cho KHCN nhằm phát triển bền vững. Nhà nước và các cơ quan chức năng cần tạo mọi điều kiện thuận lợi để nguồn vốn này ngày càng tăng nhanh trong thời gian tới, góp phần đặc lực hỗ trợ các doanh nghiệp có thêm cơ hội, cải thiện năng lực KH&CN.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ngô Thị Thu Hồng, 2012 “Giải pháp nào để doanh nghiệp đủ vốn đầu tư cho khoa học và công nghệ” truy cập ngày 30/9/2015 từ: <http://118.70.241.18/english3/news/?42560/Giai-phap-nao-de-doanh-nghiep-du-von-dau-tu-cho-khoa-hoc-va-cong-nghe.htm>
- Phạm Trần Lê 2013 “Vốn đầu tư đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp”, truy cập ngày 30/9/2015 từ: <http://tiasang.com.vn/Default.aspx?tabid=114&CategoryID=7&News=6290>
- Khánh Châu, 2014 “Đòn bẩy cho các doanh nghiệp thủ đô”, truy cập ngày 30/9/2015 từ: <http://www.nistpass.gov.vn/en/component/content/article/10-tin-tuc/tin-chien-luoc-chinh-sach/1293-don-bay-cho-cac-doanh-nghiep-thu-do>
- Kim Ngân, 2015 “Doanh nghiệp cần thắt lưng buộc bụng, khẩn trương đổi mới công nghệ”, truy cập ngày 10/11/2015 từ: <http://www.baodongnai.com.vn/kinhte/201510/bo-truong-bo-khoa-hoc-cong-nghe-nguyen-quan-doanh-nghiep-can-that-lung-buoc-bung-khan-truong-doi-moi-cong-nghe-2632785/>